

Ayun Pa, ngày 29 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã phê duyệt Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã về điều chỉnh Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân



sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã về phê duyệt Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia, với tổng số tiền là 3.587 triệu đồng, cụ thể như sau:

#### 1. Ngân sách trung ương

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia là 2.753 triệu đồng, trong đó:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 581 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 2.172 triệu đồng.

#### 2. Ngân sách tỉnh

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia là 434 triệu đồng. Trong đó:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 434 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 0 đồng.

#### 3. Ngân sách thị xã

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách thị xã năm 2023 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia là 400 triệu đồng. Trong đó:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 0 đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 400 triệu đồng.

(Có Phụ lục số 01, 02 kèm theo).

4. Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách thị xã phân bổ cho các địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định. Các xã chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành các mục tiêu của 02 Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Điều 2. Giao mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia**

Giao các cơ quan theo dõi, quản lý 02 Chương trình mục tiêu quốc gia và các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của 02 Chương trình mục tiêu quốc gia được Hội đồng nhân dân thị xã giao tại Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 21/12/2022, cụ thể:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên 2% so với tổng số hộ là người đồng bào dân tộc thiểu số.
2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
  - Duy trì tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 100%.
  - Phấn đấu 01 làng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2023.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan theo dõi, quản lý các Chương trình mục tiêu quốc gia; các cơ quan chuyên môn có liên quan đến nội dung giao kế hoạch vốn tại Quyết định này; Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân thị xã, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về mục tiêu, nhiệm vụ, danh mục dự án, đối tượng thụ hưởng, mức vốn bố trí cho từng dự án đảm bảo chính xác về thông tin, số liệu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 được giao tại Quyết định này:

a) Trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023.

b) Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư phát triển bảo đảm thực hiện đúng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các Sở, ngành địa phương hướng dẫn thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2023; các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật liên quan.

c) Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023.

d) Chủ động bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định này, thực hiện lồng ghép các nguồn vốn và huy động

các nguồn lực hợp pháp khác tại địa phương để thực hiện các mục tiêu của 02 chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

e) Thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán đúng thời gian quy định.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường được phân bổ kế hoạch vốn tại Quyết định này khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án theo trình tự, thủ tục quy định của Luật đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan. Căn cứ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia được giao tại Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 06/9/2022 và Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã, khả năng cân đối vốn hàng năm, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đảm bảo khả thi, phát huy hiệu quả ngay, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn được giao trong năm 2023, cụ thể:

a) Mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với quy định của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các Sở, ngành địa phương hướng dẫn thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 các nghị quyết của HĐND tỉnh và các quy định của pháp luật liên quan.

b) Bảo đảm khả năng cân đối vốn cho dự án hoàn thành đúng tiến độ, bố trí vốn cho các dự án theo đúng quy định tại Điều 52, Luật đầu tư công, trong đó số vốn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách thị xã trong tổng mức đầu tư của dự án phải phù hợp với mức vốn được giao tại Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia. Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động bố trí số vốn còn thiếu từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác do cấp mình quản lý để hoàn thành dự án trong năm 2023.

c) Phòng Kinh tế thị xã, Phòng Dân tộc thị xã chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các địa phương sớm hoàn thiện thủ tục đầu tư, đầu tư đúng đối tượng của chương trình, đúng quy định của Luật đầu tư công; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND thị xã và các cơ quan có liên quan về danh mục dự án, mức vốn đề xuất bố trí cho từng dự án và thông tin, số liệu các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn từ chương trình, đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chí theo quy định và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

**Điều 4.** Chánh văn phòng HĐND - UBND thị xã; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã; Trưởng Phòng Kinh tế thị xã; Trưởng Phòng Dân tộc thị xã; Giám đốc Kho bạc nhà nước thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.gov✓

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- TT Thị ủy (báo cáo);
- TT HĐND thị xã (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Ban KT-XH HĐND thị xã;
- Lưu VT.

*Zh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

10 CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



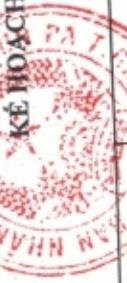
Dặng Xuân Toàn



1907. 10. 10.



農商務省印



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã)

ĐVT: Triệu đồng

| STT   | Nội dung/địa bàn | Kế hoạch vốn<br>năm 2023 | Trong đó:               |                       |                     | Trong đó:               |                       |                     | Trong đó:                |                         |                   | Ghi chú   |  |  |  |
|---|------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------|-----------|--|--|--|
|   |                  |                          | Ngân sách<br>Trung ương | Ngân sách<br>tỉnh (1) | Ngân sách<br>thị xã | Ngân sách<br>Trung ương | Ngân sách<br>tỉnh (1) | Ngân sách<br>thị xã | Kế hoạch vốn<br>năm 2023 | Ngân sách<br>Trung ương | Ngân sách<br>tỉnh |           |  |  |  |
| <b>TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 02 CHƯƠNG TRÌNH</b>                                |                  |                          |                         |                       |                     |                         |                       |                     |                          |                         |                   |           |  |  |  |
| <b>CHƯƠNG TRÌNH MTTQ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG<br/>ĐÔNG BÀO DTTS&amp;MN</b> |                  |                          |                         |                       |                     |                         |                       |                     |                          |                         |                   |           |  |  |  |
|   |                  |                          |                         |                       |                     |                         |                       |                     |                          |                         |                   |           |  |  |  |
| 1   | Xã La Riol       | 930,500                  | 633,500                 | 197,000               | 100,000             | 287,500                 | 90,500                | 197,000             | 581,000                  | 434,000                 | 2,572,000         | 2,172,000 |  |  |  |
| 2   | Xã La Sao        | 775,000                  | 543,000                 | 132,000               | 100,000             | 132,000                 | 100,000               | 132,000             | 643,000                  | 543,000                 | 643,000           | 543,000   |  |  |  |
| 3   | Xã La Rit        | 819,000                  | 703,000                 | 16,000                | 100,000             | 176,000                 | 160,000               | 16,000              | 643,000                  | 543,000                 | 643,000           | 543,000   |  |  |  |
| 4   | Xã Chu Bäh       | 1.018,500                | 833,500                 | 85,000                | 100,000             | 375,500                 | 290,500               | 85,000              | 643,000                  | 543,000                 | 643,000           | 543,000   |  |  |  |
| 5   | Phường Đoàn Kết  | 44,000                   | 40,000                  | 4,000                 | 4,000               | 44,000                  | 40,000                | 4,000               | 4,000                    | 4,000                   | 4,000             | 4,000     |  |  |  |

## Ghi chú:

- (1): Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư,  
(2): Tiền sử dụng đất thị xã đầu tư;



RIEN

TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM NĂM 2023

**KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẮC DÂN RỘC**  
*(Kiem theo Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã)*

ĐVT: Triệu đồng

117

| STT | Các đơn vị      | Tổng cộng Chương trình |                         |          | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt |          |                         | Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch | Ghi chú                 |
|-----|-----------------|------------------------|-------------------------|----------|---|----------|-------------------------|---|-------------------------|
|     |                 | Tổng vốn               | Trong đó:               | Tổng vốn | Trong đó:   | Tổng vốn | Trong đó:               |   |                         |
|     |                 | Tổng vốn               | Ngân sách<br>Trung ương | Tổng vốn | Ngân sách<br>Trung ương   | Tổng vốn | Ngân sách<br>Trung ương | Tổng vốn  | Ngân sách<br>Trung ương |
|     | TỔNG SỐ         | 1.015,000              | 581,000                 | 434,000  | 792,000   | 400,000  | 392,000                 | 223,000   | 181,000                 |
| 1   | Xã Ia Rbol      | 287,500                | 90,500                  | 197,000  | 176,000   |          |                         | 176,000   | 111,500                 |
| 2   | Xã Ia Sao       | 132,000                |                         | 132,000  | 132,000   |          |                         | 132,000   |                         |
| 3   | Xã Ia Riô       | 176,000                | 160,000                 | 16,000   | 176,000   | 160,000  | 16,000                  |   |                         |
| 4   | Xã Chư Băh      | 375,500                | 290,500                 | 85,000   | 264,000   | 200,000  | 64,000                  | 111,500   | 90,500                  |
| 5   | Phường Đoàn Kết | 44,000                 |                         | 40,000   | 4,000   | 40,000   | 4,000                   |   | 21,000                  |



1. 1. 1993  
NACIONALNA LIHARA CZECHIA  
SLOVAKIA